

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2025
về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Đông

- Bà Trương Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Bùi Thị P; Sinh năm: 1982 (Có mặt).

2. Bị đơn: - Anh Trương Văn T; Sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Lùng, xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh Trương Văn T chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/8/2022. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2024 bắt đầu có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi cự nhau, mặc dù hai bên đã nói chuyện hòa giải nhưng không có thay đổi, hiện tại hai bên không còn quan tâm tới nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trương Văn T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh Trương Văn T đến tòa án để làm bản tự khai nhưng anh T vắng mặt nên không có lời khai của anh T. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T. Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị Phụng vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Bùi Thị P khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với anh Trương Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn anh Trương Văn T có nơi cư trú tại thôn Lùng, xã Diên Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Nguyên đơn chị Bùi Thị P và bị đơn anh Trương Văn T chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2022 tại UBND

xã Diên Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi cự nhau dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị P tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị P được ly hôn anh T là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Chị P và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Bùi Thị P thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

- *Về quyền kháng cáo:* Chị P và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị P.

Chị Bùi Thị P được ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị P được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn anh Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bá Thước;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Điền Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Long